

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST

Ngày 19 tháng 6 năm 2023

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Lục

Bà Đỗ Thị PH Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án T lý số 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn T từ ngày 19/3/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng ngay. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi uống rượu về là chửi bới đánh đập chị, anh T không tu trí làm ăn nên mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình, đóng học cho con đều do chị lo liệu, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7 năm 2022 do mâu thuẫn căng thẳng chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T

được nữa nên chị đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023 anh Lê Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị H từ ngày 19/3/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, quá trình chung sống đến khoảng tháng 5 năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn càng tăng đến tháng 5 năm 2022 chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh thì quan điểm anh muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung là Lê Thị A sinh ngày 29/12/2010; Lê Thị M sinh ngày 01/11/2012 và Lê Văn G sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay cháu Lê Thị A đang ở cùng chị H còn cháu Lê Thị M và Lê Văn G đang ở cùng anh T. Ly hôn chị H và anh T đều đề nghị giữ nguyên việc nuôi con chung như hiện nay, chị H tiếp tục nuôi cháu A và anh T tiếp tục nuôi cháu M và cháu G. Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2023 UBND thị trấn T cho biết: Chị Lê Thị H kết hôn với anh Lê Văn T từ ngày 19/3/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, quá trình chung sống anh chị có ba con chung như anh chị đã trình bày với Tòa án, về nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào thì địa phương không biết, nay chị H xin ly hôn anh T và xin nuôi con chung, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện cháu Lê Thị A đang ở cùng chị H còn cháu Lê Thị M và Lê Văn G đang ở cùng anh T. Hiện nay cả chị H và anh T đều làm kinh doanh tự do tại thị trấn thị trấn T, có thu nhập ổn định nên cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Về tài sản, và công nợ: Chị H, anh T có tài sản gì chung hay nợ gì ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị A sinh ngày 29/12/2010; Anh Lê Văn T được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị M sinh ngày 01/11/2012 và Lê Văn G sinh ngày 04/7/2018 (hiện cháu A đang ở cùng chị H còn cháu M và cháu G đang ở cùng anh T). Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn giữa chị và anh Lê Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc tham gia phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tại phiên tòa anh T có đơn xin vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H kết hôn với anh Lê Văn T và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2010 tại UBND thị trấn T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 03 con chung, quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm, bản thân

anh Thu hay uống rượu, mỗi lần uống rượu say vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, tháng 7 năm 2022 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh T. Anh T xin đoàn tụ nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T có ba người con chung là Lê Thị A sinh ngày 29/12/2010; Lê Thị i sinh ngày 01/11/2012 và Lê Văn G sinh ngày 04/7/2018, hiện nay cháu A đang ở cùng chị H còn cháu M và cháu G đang ở cùng anh T. Ly hôn chị H và anh T đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Xét thấy chị H và anh T đều có điều kiện nuôi con, việc chị H và anh T đề nghị giữ nguyên việc nuôi con là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị A, giao cho anh Lê Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị M và Lê Văn G. Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị A sinh ngày 29/12/2010; giao cho anh Lê Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị M sinh ngày 01/11/2012 và Lê Văn G sinh

ngày 04/7/2018 (hiện nay cháu A đang ở cùng chị H; cháu M và cháu G đang ở cùng anh T). Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005984 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải